

Bản án số: 03/2023/HS-ST

Ngày 06-01-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **111/2022/TLST-HS** ngày **24 tháng 11 năm 2022** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Văn Đ, sinh năm 1986, tại Kinh Môn, Hải Dương; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 4, thôn Nội, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn P và bà Bùi Thị B; gia đình bị cáo có 3 chị em, bị cáo là con thứ 2; tiền sự: Không;

Tiền án:

Tại Bản án số 87 ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt Trương Văn Đ 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 20/02/2020, Đ thi hành xong phần thi hành án dân sự (Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/11/2020, án phí hình sự sơ thẩm ngày 20/02/2020).

Nhân thân: Tại Bản án số 68 ngày 30/8/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Trương Văn Đ 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 31/12/2013, Đ thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm của bản án.

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 30/9/2022 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Trương Văn Ph, sinh năm 1985, tại Kinh Môn, Hải Dương; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 6, thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Trương Văn Ph1 và bà Vũ Thị X; gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3; có vợ là Phạm Thị H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2006;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 51 ngày 28/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội xử phạt Ph 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/12/2014, án phí hình sự sơ thẩm ngày 17/01/2014).

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 29/9/2022 đến nay. Bị cáo có mặt.

* **Bị hại:** Anh Dương Văn N, sinh năm 1989 và chị Trịnh Thị Đ1, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, Hải Dương. Chị Đ1 ủy quyền cho anh N theo Giấy ủy quyền ngày 03/10/2022. Đều vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

* **Người làm chứng:**

1. Anh Trương Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Nội, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, Hải Dương. Anh L có mặt.

2. Ông Mai Xuân T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Lục Lâm, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Ông T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/8/2022, Trương Văn Đ đến xưởng sửa chữa tàu thủy nội địa của gia đình anh Dương Văn N, sinh năm 1989, ở xóm 7, thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thấy có nhiều loại dây cáp hàn để sở hờ nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô kiểu dáng xe cup không nhớ biển số do Đ mượn của anh Trương Văn L, sinh năm 1985 người cùng thôn với Đ đến nhà Ph rủ Ph cùng đi trộm cắp, Ph đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô trên chõ Ph đi theo đường đê ra bến đò Ba Ngả thuộc thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, Đ dựng xe ở vườn cây gần đó. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Đ và Ph đi bộ vào xưởng sửa chữa tàu thủy nội địa của gia đình anh N, quan sát xung quanh không có người trông coi, Ph đi đến khu vực âu tàu lấy được 01 đoạn dây cáp hàn dài 39 m, Đ đi đến khu vực máy hàn và khu vực âu tàu lấy được 02 đoạn dây cáp hàn (01 đoạn dài 27 m, 01 đoạn dài 54 m). Ph và Đ cuộn dây cáp hàn lấy được lại thành 03 cuộn vác ra chõ để xe cho vào trong bao xác rắn màu trắng Đ nhặt được ở gần đó rồi khênh để lên võng xe. Ngay sau đó, Đ điều khiển xe mô tô trên chõ Ph đến thôn Lục Lâm, xã Đại Bản, huyện An Dương - thành phố Hải Phòng thì bán ông Mai Xuân T1, sinh năm 1964 là người thu mua sắt vụn được 3.780.000 đồng. Sau đó, Đ, Ph chia nhau tiêu xài hết. Ông T1 đã bán 03 cuộn dây cáp hàn có đặc điểm như trên cho 01 người đàn ông thu mua sắt vụn không quen biết, sau đó người đàn ông bán lại cho anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1984, trú tại: thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được

7.000.000 đồng. Sau khi biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, anh H1 đã tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46 ngày 22/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thị xã Kinh Môn kết luận: 03 đoạn dây cáp hàn dài 120 m (loại 450/750V Cu/NR1Cx35SQMM) trị giá 12.760.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 29/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn đã trả lại cho anh Dương Văn N 03 đoạn dây cáp hàn bị Đ, Ph chiếm đoạt, sau khi nhận lại tài sản anh N không yêu cầu các bị can phải bồi thường thiệt hại. Quá trình điều tra, Ph tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho anh Vũ Ngọc H. Anh H1 yêu cầu các bị can phải bồi thường tiếp cho anh số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô có đặc điểm như trên, Đ điều khiển chở Ph đi phạm tội sau đó đã trả lại cho anh L. Do xe đã cũ hỏng, anh L đã bán cho người thu mua sắt vụn không quen biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 24/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố Trương Văn Ph và Trương Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là: BLHS).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt: HĐXX) xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn Đ, Trương Văn Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt Trương Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt Trương Văn Ph từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2023.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đ, bị cáo Ph bồi thường theo yêu cầu của anh H1, số tiền 7.000.000 đồng. Theo đó, bị cáo Đ bồi thường 3.500.000 đồng, bị cáo Ph bồi thường 3.500.000 đồng, Ph đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường 1.500.000 đồng cho anh H1.

+ Về vật chứng: Không phải giải quyết.

+ Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết

số 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo thành khẩn khai báo, nhất trí với tội danh mà đại diện VKS đã luận tội và đề nghị HĐXX chiếu cố giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng:* HĐXX xác định hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Xét việc vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX xét xử vắng mặt họ.

[3]. *Về chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật:* Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/8/2022, tại xưởng sửa chữa tàu thủy nội địa của gia đình anh Dương Văn N ở xóm 7, thôn Ngoại, xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Trương Văn Đ, Trương Văn Ph lén lút lấy 3 đoạn dây cáp điện có tổng chiều dài 120m của gia đình anh N, trị giá 12.760.000 đồng.

[4]. Sự thừa nhận đó phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì mục đích có tiền tiêu sài nên đã chiếm đoạt tài sản, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố để Tòa án xét xử các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[5]. Xét vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ. Trương Văn Đ là người khởi xướng nên giữ vai trò chính, Trương Văn Ph là đồng phạm với vai trò người thực hành tích cực nên giữ vai trò sau.

[6]. *Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, HĐXX xác định đây là tội phạm ít nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đ bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS do bị cáo chưa được xóa án tích tại bản án số 87 ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt Trương Văn Đ 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 2 bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho mỗi bị cáo.

[7]. Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù, với thời gian phù hợp đối với mỗi bị cáo theo quy định tại Điều 38 BLHS để cải tạo

bị cáo, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8]. *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS.

[9]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra việc giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh H1, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số 7.000.000 đồng. Bị cáo Đ, bị cáo Ph chấp nhận và tự nguyện bồi thường, bị cáo Đ bồi thường 3.500.000 đồng, bị cáo Ph bồi thường 3.500.000 đồng cho anh H1. Bị cáo Ph đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường 1.500.000 đồng. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bị cáo.

[10]. *Về vật chứng*: Không đặt ra việc giải quyết.

[11]. *Về án phí*: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[12]. Trong vụ án này, đối với ông Mai Xuân T1, anh Vũ Ngọc H khi mua dây cáp điện không biết là tài sản do phạm tội mà có, tài liệu điều tra cũng không đủ căn cứ chứng minh hành vi của ông T1, anh H1 có dấu hiệu của tội Tiêu tụy tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đặt ra việc xử lý. Đối với anh Trương Văn L cho Trương Văn Đ mượn xe mô Trương Văn Ph và Trương Văn Đ nhưng không biết Đ sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không xử lý đối với Trương Văn L là phù hợp. Đối với người đàn ông mua dây cáp điện của ông Mai Xuân T1 sau đó bán lại cho anh Vũ Ngọc H đến nay chưa xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trương Văn Đ

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Trương Văn Ph

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn Đ, Trương Văn Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Về hình phạt:

- Xử phạt Trương Văn Đ 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2022.
- Xử phạt Trương Văn Ph 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2022.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo Đ và bị cáo Ph về việc tự nguyện bồi thường số tiền 7.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Vũ Ngọc H. Theo đó, bị cáo Đ phải bồi thường 3.500.000 đồng, bị cáo Ph phải bồi thường 3.500.000 đồng cho anh H1. Bị cáo Ph đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí: Bị cáo Trương Văn Đ và Trương Văn Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQĐT CA thị xã Kinh Môn (2b);
- CQ THAHS;
- CCTHADS thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Công bố bản án trên CTTĐT TAND TC;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đào Văn Phúc